

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Bùi Thị Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 21/2024/TB-TA ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị D, nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Lâm Văn T, nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lâm Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 11 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ

chồng hạnh phúc vui vẻ đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không đóng góp kinh tế, không phụ giúp chị trong việc chăm sóc các con, và công việc gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 8/2023, không ai quan tâm và có trách nhiệm với ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn T.

Về con chung: Chị và anh Lâm Văn T có hai con chung là Lâm Thị Ngọc D, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2015 và Lâm Quỳnh C, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2017. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng vì các con đều là con gái và còn nhỏ, hiện tại chị làm công nhân thu nhập hơn 9.000.000đồng/tháng, công việc chỉ phải làm giờ hành chính nếu có tăng ca chỉ đến 19 giờ hàng ngày, bố mẹ chị cũng tạo điều kiện về chỗ ở cho chị cùng các con và giúp chị chăm sóc các con hàng ngày nên chị có điều kiện kinh tế và thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc các con; trong thời gian còn chung sống và từ khi sống ly thân đến nay, anh T không quan tâm việc học tập của các con và cũng không đóng góp về kinh tế để chị nuôi con, thời gian làm việc của anh T theo ca không đảm bảo được việc học tập, sinh hoạt của các con hàng ngày bằng chị.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Lâm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn T xác định lời khai của chị Phạm Thị D về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình chung sống là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên xảy ra mâu thuẫn. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục đoàn tụ được nên anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị D được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị D có hai con chung là Lâm Thị Ngọc D và Lâm Quỳnh C như chị D trình bày. Anh không đồng ý để chị D nuôi hai con chung mà anh đề nghị Tòa án giao con chung Lâm Quỳnh C cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Lâm Thị Ngọc D cho chị D nuôi dưỡng. Hiện tại anh làm công nhân thu nhập gần 10.000.000đồng/tháng, bố mẹ anh cũng tạo điều kiện về chỗ ở và giúp đỡ anh trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Công việc của anh tuy làm theo ca nhưng nếu nuôi con anh vẫn có thể sắp xếp công việc hoặc nhờ người đưa đón các con và thuê gia sư để dạy các con học thêm đảm bảo được việc học tập của các con. Từ khi sống ly thân anh không đóng góp kinh tế cho chị D nuôi con là do chị D không yêu cầu nhưng anh vẫn có trách nhiệm với các con khi các con về nhà chơi vào những ngày nghỉ, lễ, tết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị D không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội D: Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Lâm Văn T. Về con chung: Giao con chung Lâm Thị Ngọc D, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2015 và Lâm Quỳnh C, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2017 cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về tài sản và việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị D khởi kiện ly hôn đối với anh Lâm Văn T, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lâm Văn T hiện đang cư trú tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Phạm Thị D và anh Lâm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 11 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thị D và anh Lâm Văn T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau, do mâu thuẫn nên chị D và anh T đã sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị D và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D và anh T đều có quan điểm được ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị D và anh Lâm Văn T có hai con chung là Lâm Thị Ngọc D, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2015 và Lâm Quỳnh C, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2017. Chị Phạm Thị D và anh Lâm Văn T có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Xét, chị D và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định, đều được gia đình tạo điều kiện về chỗ ở và giúp đỡ trong việc chăm sóc các con nên đánh giá điều kiện về kinh tế và chỗ ở của chị D và anh T là ngang nhau. Tuy nhiên, các con chung Lâm Thị Ngọc D và Lâm Quỳnh C còn nhỏ và đều là nữ giới, từ khi sống ly thân chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, các con vẫn được chăm sóc và phát triển tốt mặc dù không có sự hỗ trợ về kinh tế từ anh T; mặt khác thời gian làm việc giờ hành chính của chị Dũng sẽ đảm bảo được sinh hoạt và học tập của các con hơn so với anh T, con chung Lâm Thị Ngọc D có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao các con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị D và anh Lâm Văn T đều có quan điểm không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị D và anh Lâm Văn T đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị D và anh Lâm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Lâm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lâm Thị Ngọc D, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2015 và Lâm Quỳnh C, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2017 cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng và tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị D và anh Lâm Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí chị Phạm Thị D phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005226 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, nay trả lại chị D số tiền 225.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã An Hưng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên